

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán SCL2026
Danh mục: Đường dây 500kV 574 Vũng Áng – 575 Đà Nẵng
Hạng mục: Thay cách điện 10 vị trí: 1054-1058, 1219-1222, 1224

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 2

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-HĐTV ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Truyền tải điện 2;

Căn cứ quyết định số 264/QĐ-EVNNPT ngày 27/12/2024 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia về việc “Ban hành Quy định về Sửa chữa lớn tài sản cố định trong Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia”;

Xét phương án kỹ thuật và dự toán SCL2026 đường dây 500kV 574 Vũng Áng – 575 Đà Nẵng kèm theo tờ trình số 241/TTr-QB ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Truyền tải điện Quảng Bình;

Căn cứ tình hình thực tế của công trình đường dây 500kV 574 Vũng Áng – 575 Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kỹ thuật, Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa đường dây 500kV 574 Vũng Áng – 575 Đà Nẵng với nội dung chính như sau:

Thay cách điện 10 vị trí: 1054-1058, 1219-1222, 1224.

a. Giải pháp kỹ thuật

- Thay thế chuỗi cách điện hiện hữu bằng chuỗi cách điện mới. Giữ nguyên các chi tiết, phụ kiện liên kết của chuỗi cách điện. Do chuỗi cách điện có:

+ Các bát cách điện bị rỉ ty, rỉ phân mũ cách điện hoặc bề mặt bám bẩn nặng không vệ sinh được cần phải thay thế để đảm bảo vận hành an toàn.

+ Các bát cách điện còn lại trong chuỗi do đã vận hành lâu năm (31 năm), sẽ được thay thế để đảm bảo tính vận hành đồng bộ cho toàn bộ chuỗi cách điện.

- Các bát cách điện thay ra phải được thu hồi nguyên vẹn để phục vụ công tác đánh giá tái sử dụng trong quá trình vận hành.

- Cách điện thay mới là cách điện thủy tinh có cùng thông số kỹ thuật với loại cách điện hiện hữu.
- Vệ sinh, bảo dưỡng toàn bộ phụ kiện liên kết chuỗi cách điện để sử dụng lại.
- Quá trình thực hiện không làm thay đổi khoảng cách pha - đất của đường dây; khoảng cách từ phụ kiện - cột theo đúng quy định.

* *Thông số kỹ thuật chính của bát cách điện hiện hữu (hoặc tương đương)*

Mã hiệu cách điện	F160P/146DC	F120P/146DC
Tải trọng phá hủy nhỏ nhất (kN)	160	120
Đường kính tán (mm)	330	280
Chiều cao bát (mm)	146	146
Chiều dài đường rò (mm)	545	445
Kích thước ty (mm)	20	16
Điện áp chịu đựng tần số công nghiệp (kV)		
- Khô trong 01 phút	90	90
- Ướt trong 01 phút	55	55
Điện áp chịu đựng xung kích (kV)	125	125
Khối lượng bát cách điện (kg)	8,8	5,8

b. Khối lượng vật tư:

- Cách điện F160P/146DC : 520 bát.
- Cách điện F120P/146DC : 1120 bát.

c. Khối lượng thực hiện:

- Thay chuỗi cách điện đỡ kép ĐK (2x28 bát, cao < 30m) : 08 chuỗi
- Thay chuỗi cách điện đỡ ĐV2 (2x26 bát, cao < 30m) : 04 chuỗi
- Thay chuỗi cách điện đỡ kép ĐK (2x28 bát, cao < 40m) : 12 chuỗi
- Thay chuỗi cách điện đỡ ĐV2 (2x26 bát, cao < 40m) : 06 chuỗi

d. Thu hồi vật tư:

- Cách điện F160P/146DC : 520 bát.
- Cách điện F120P/146DC : 1120 bát.

Các bát cách điện thu hồi phải nguyên vẹn không bị nứt, vỡ để phục vụ công tác đánh giá chất lượng tái sử dụng trong vận hành.

e. Vận chuyển vật tư

- Vận chuyển vật tư bằng cơ giới từ kho Công ty đến kho Truyền tải, cự ly 270km đường cấp 2, khối lượng 10.59 tấn.
- Vận chuyển vật tư bằng cơ giới từ kho Truyền tải đến vị trí tập kết, cự ly 7,1km (đường cấp 3), khối lượng 10.59 tấn.
- Vận chuyển vật tư bằng thủ công từ điểm tập kết đến vị trí thi công, bình quân 1059kg / 1vị trí, cự ly vận chuyển trung bình 83m/1vị trí, độ dốc <15°.
- Thu hồi vật tư bằng thủ công, bình quân 1059kg / 1vị trí, cự ly vận chuyển trung bình 83m/1vị trí, độ dốc <15°.

- Thu hồi vật tư bằng cơ giới từ điểm tập kết về kho Truyền tải, cự ly 7,1km (đường cấp 2), khối lượng 10.59 tấn.

- Vận chuyển bằng thủ công dụng cụ thi công từ điểm tập kết đến vị trí công tác: khối lượng bình quân 500kg/vị trí, cự ly trung bình 166m (cả đi và về), độ dốc <math><15^{\circ}</math>.

- Vận chuyển bằng cơ giới dụng cụ thi công (cả đi và về) từ điểm tập kết đến vị trí công tác: khối lượng 5 tấn, cự ly 142km, đường cấp 2.

f. Nhân lực thực hiện: thuê nhân lực bên ngoài thực hiện.

g. Phê duyệt dự toán:

- Giá trị dự toán phê duyệt là: **1.425.211.151 đồng**. Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	1.357.343.953 đồng
+ Chi phí Dự phòng	67.867.198 đồng
Người thẩm tra	Phạm Quyên Trung

(Chi tiết như phụ lục kèm theo).

- Nguồn vốn: Chi phí sửa chữa lớn năm 2026.

- Các khoản chi cho công trình phải đầy đủ chứng từ hợp lệ, khi thanh toán phải căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng thực tế và các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

Điều 2. Các Ông Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật, Tài chính và Kế toán, Vật tư, Đầu tư Xây dựng, Điều độ và Giám đốc Truyền tải điện Quảng Bình căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, KH, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Duy Dũng

PHỤ LỤC: CHI TIẾT CÁC VỊ TRÍ THAY CÁCH ĐIỆN

TT	Vị trí	Ký hiệu cột/chiều cao cột (m)	Ký hiệu chuỗi cách điện	Số lượng chuỗi /vị trí	Loại cách điện	Số lượng bát cách điện/vị trí	Ghi chú
1	1054	Đ512 -38B/38m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
2	1055	Đ512 -34B/34m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
3	1056	Đ512 -34B/34m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
4	1057	Đ512 -28A/28m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
5	1058	Đ512 -34B/34m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
6	1219	Đ512 -42C/42m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
7	1220	Đ512 -38C/38m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
8	1221	Đ512 -42C/42m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
9	1222	Đ512 -38B/38m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	
10	1224	Đ512 -38A/38m	ĐK	2	F120P/146DC	112	Cột đỡ
			ĐV2	1	F160P/146DC	52	